

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình:
Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa;
Hạng mục: Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các Hạng mục phụ trợ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CÁT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/07/2024 của HĐND xã Hoàng Cát về việc quyết định chủ trương đầu tư Công trình: Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa; Hạng mục: Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các Hạng mục phụ trợ.

Căn cứ thông báo số 553/TĐ-KTHT ngày 06/09/2024 của Phòng Kinh tế - hạ tầng huyện Hoàng Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa; Hạng mục: Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các Hạng mục phụ trợ ;

Xét đề nghị của công chức: ĐCXĐ-NN&MT, Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa; Hạng mục: Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các Hạng mục phụ trợ với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa; Hạng mục: Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các Hạng mục phụ trợ

2. Chủ đầu tư: UBND xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo Kinh tế-kỹ thuật: Công ty cổ phần thương mại tư vấn thiết kế và xây dựng Cường Hoàng

4. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.1 Quy mô đầu tư: Xây dựng nhà chờ tiêm chủng, sân, tường rào

4.2 Phạm vi dự án

- Trong khuôn viên Trạm y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa

4.3 Giải pháp thiết kế

+ Sân đường nội bộ : đổ bê tông sân với diện tích tổng 101,8m², với chiều dày bê tông sân bê tông đá 1x2 M200 dày 12cm, dưới lớp nilông chống mất nước, cát tạo phẳng sân chiều dày TB 7cm.

+ Nhà chờ tiêm chủng : kích thước (10x16,5)m với kết cấu : Khung móng bê tông cốt thép đá 1x2 M200, cột thép ống D140x3ly, vì kèo sử dụng hộp 40x80x3mm, xà gồ 40x80x3mm; mái lợp tôn màu đỏ dày 0,4ly;

+ Bồn cây: xây lại bồn cây hiện trạng với số lượng 02 bồn, kích thước hình tròn với đường kính 1,2m, xây gạch không nung VXM M75;

+ Thay 2 bồn nước Inox 2,5m³ khu nhà trạm y tế 2 tầng

+ Xây tường rào giáp khu dân cư phía đông và phía nam với tổng chiều dài 32.22m, với kết cấu : Móng xây gạch khung nung VXM #75, giằng bê tông cốt thép M250, tường xây gạch không nung VXM #75, cột xây gạch không nung cứ 3m bố trí 1 cột.

+ Phá dỡ nhà sản và tường rào hiện trạng đã xuống cấp.

(Chi tiết có Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật và thiết kế kèm theo)

5. Địa điểm xây dựng: xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.

7. Hình thức đầu tư: Nâng cấp, cải tạo.

8. Tổng mức đầu tư: 480.958.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng)

Trong đó:

- | | | |
|--------------------|-------------|-------|
| - Chi phí xây lắp: | 392.208.860 | Đồng; |
| - Chi phí QLDA: | 13.515.517 | Đồng; |
| - Chi phí TVĐTXD: | 44.092.651 | Đồng; |

- Chi phí khác:	8.238.051	Đồng;
- Chi phí dự phòng:	22.902.754	Đồng;
Tổng (làm tròn)	480.958.000	Đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã và nguồn huy động hợp pháp khác

10. Hình thức quản lý đầu tư: Chủ đầu tư thuê quản lý dự án

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024

Điều 2. UBND xã Hoàng Cát có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã; Kế toán ngân sách xã; Địa chính - Xây dựng; Quản lý công trình và các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Cải tạo Trạm Y tế xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa; **Hạng mục:** Xây dựng Nhà chờ tiêm chủng và các
Hạng mục phụ trợ

(Kèm theo Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 09/09/2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				356.553.509	35.655.351	392.208.860	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				356.553.509	35.655.351	392.208.860	
1.1.1	XÂY DỰNG NHÀ CHỜ TIÊM CHỦNG VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	356.553.509	35.655.351	392.208.860	
3	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp chi phí TB				Gtb
2	Chi phí quản lý dự án	3,446%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	12.286.834	1.228.683	13.515.517	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				40.084.228	4.008.423	44.092.651	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình				5.195.467	519.547	5.715.014	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	6,5%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	23.175.978	2.317.598	25.493.576	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	11.712.783	1.171.278	12.884.061	
4	Chi phí khác				7.659.203	578.848	8.238.051	Gk
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	

4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.370.730		1.370.730	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,96%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	4.617.195	461.720	5.078.915	
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	10%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	1.171.278	117.128	1.288.406	
6.12	Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%		Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi x tỷ lệ				
6.13	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ				
5	Chi phí dự phòng						22.902.754	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			22.902.754	
7.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			Theo bảng chi phí dự phòng trượt giá				
	Tổng cộng				416.583.774	41.471.305	480.957.833	Gxdct
	Làm tròn						480.958.000	

Bảng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng./.